

Bản án số: 374/2026/DS-PT

Ngày: 05/3/2026

V/v: Tranh chấp ranh

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quy

Các Thẩm phán: 1/ Bà Bùi Thị Kim Dung

2/ Bà Phạm Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ Tiên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1667/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp ranh”.

Do Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 822/2025/QĐST-DS ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2082/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Đình V, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: 120/38/7 (số cũ A) T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1991

Địa chỉ: 1 (số C) T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Lương T1, sinh năm 1955, địa chỉ: Số D Lô E, L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hữu L, sinh năm 1973. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Thùy T2, địa chỉ: 1 (số C) T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Ngô Đình V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Phần đất có diện tích 3,85m x 1,85m là phần đất hẻm chung giữa hai nhà số 120/38/5 và số 120/38/7 Thích Quảng Đ tức là đất của Nhà nước không thuộc phần đất của bị đơn cũng không phải phần đất của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nhà nước.

- Buộc bị đơn ông Lê Ngọc T phải tháo dỡ phần xây dựng trái phép trên phần đất không được công nhận, vi phạm ranh hẻm; tự tháo dỡ phần xây dựng kiên cố trái phép phần sân tạm chiếm trên phần đất không được công nhận theo Quyết định của UBND quận P về xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý xây dựng số 61/QĐ-UB.XPHC ngày 31/5/1999.

Nguyên đơn xác định không khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 61/QĐ-UB.XPGC ngày 31/5/1999 của Ủy ban nhân dân quận P mà chỉ yêu cầu ông T tháo dỡ công trình theo quyết định nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Ngọc T trình bày: Ông là người mua căn nhà số A T từ chủ cũ là ông Nguyễn Văn Á vào năm 2018 và đã được cập nhật sang tên trên Giấy chứng nhận chủ sở hữu. Lúc mua nhà ông không biết về việc tranh chấp giữa hai nhà và không biết ông Á bị xử phạt hành chính về việc xây dựng đối với phần diện tích như nguyên đơn khởi kiện. Sau đó, nguyên đơn khởi kiện thì ông mới biết.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý vì nhà đất 120/38/5 Thích Quảng Đ đã được cấp giấy chứng nhận và cập nhật sang tên cho ông trên Giấy chứng nhận vào năm 2018 đã thể hiện phần đất không được công nhận, sẽ được chấp hành khi nhà nước thực hiện quy hoạch chung. Sau khi mua nhà thì gia đình nguyên đơn có qua trao đổi về việc có nước chảy ảnh hưởng tới sinh hoạt chung thì phía gia đình ông đã không đổ nước và hạn chế đậu xe trước phần đất này.

Ông xác nhận, từ khi mua nhà năm 2018 đến nay ông không sửa chữa, thay đổi bất cứ hạng mục nào. Hiện nay, tại nhà đất 120/38/5 Thích Quảng Đ có ông, vợ ông là bà Phạm Thị Thùy T2 cư trú.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Đình V trình bày: Ông giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện như trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán cho ông số tiền là 8.000.000 đồng, bao gồm:

+ 6.000.000 (Sáu triệu) đồng tiền tư vấn luật sư, đi lại và tổn thất tinh thần khi tham gia vụ kiện này (ông không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh).

+ 2.000.000 (Hai triệu) đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án đã được Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đình chỉ giải quyết vụ án dân sự vào năm 2020 với bị đơn là ông Nguyễn Văn Á.

Về chi phí tố tụng: Số tiền 2.000.000 đồng ông đã nộp kèm theo đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét tại chỗ trong vụ án này ông yêu cầu bị đơn phải trả lại cho ông.

Bị đơn ông Lê Ngọc T có ông Phạm Đức L1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Phía bị đơn không đồng ý bất kỳ yêu cầu khởi kiện nào của phía nguyên đơn. Lý do tại sao thì các luật sư của bị đơn sẽ trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Nguyễn Hữu L và Luật sư Cao Lương T1 trình bày: Bị đơn không đồng ý bất kỳ yêu cầu khởi kiện nào của phía nguyên đơn vì các lý do như sau:

Đối với yêu cầu khởi kiện thứ nhất: Nguyên đơn ông Ngô Đình V không phải là chủ thể quy định tại Điều 187 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên không đủ điều kiện khởi kiện theo quy định Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án”.

Đối với yêu cầu thứ hai: Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn ông Lê Ngọc T phải tháo dỡ phần xây dựng trái phép trên phần đất không được công nhận, vi phạm ranh hẻm, tự tháo dỡ phần xây dựng kiên cố trái phép phần sân tam chiếm trên phần đất không được công nhận theo Quyết định số 61/QĐ-UB.XPGC ngày 31/5/1999. Theo quyết định này chủ thể vi phạm là ông Nguyễn Văn Á (chủ cũ), ông Á phải thực hiện các yêu cầu của Cơ quan Nhà nước khi có yêu cầu chứ không phải ông Lê Ngọc T. Ngoài ra, việc xử lý xây dựng không đúng theo giấy phép do Cơ quan chức năng cấp là thẩm quyền của Cơ quan quản lý việc xây dựng tại nơi có công trình xây dựng tọa lạc. Do đó cơ quan chức năng mới là người có thẩm quyền yêu cầu/buộc thực hiện hành vi chứ không phải ông V. Do đó, với yêu cầu này thì ông V cũng không có quyền khởi kiện.

Ngoài ra đối với yêu cầu của phía nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 8.000.000 đồng bao gồm: 6.000.000 đồng tiền tư vấn luật sư, đi lại và tổn thất tinh thần khi tham gia vụ kiện này và 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ trong vụ án đã được Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đình chỉ năm 2020 thì bị đơn hoàn toàn không đồng ý vì phía nguyên đơn không có chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu này là có căn cứ.

Tại Quyết định sơ thẩm số 822/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 915/2020/TLST – DS ngày 20/11/2020 về việc: “Tranh chấp ranh”, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Ngô Đình V**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 1 (Số cũ A) T, Phường Đ, Tp ..

Bị đơn: Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 1 (Số C) T, Phường Đ, Tp ..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức L1, sinh năm 1986.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 7238/2025/CCGD ngày 08/8/2025).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn có: Luật sư Nguyễn Hữu L, sinh năm 1973, CCHNLS số 14366/TP.HCM/LS-CCHN ngày 04/7/2017 và Luật sư Cao Lương T1, thẻ luật sư số 12474 thuộc Đoàn luật sư T3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bà Phạm Thị Thùy T2.**

Địa chỉ: 1 (Số C) T, Phường Đ, Tp ..

2. Hậu quả của việc đình chỉ vụ án:

- Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật quy định.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tòa án nhân dân Khu vực 5 nhận được đơn kháng cáo của ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; nếu không đủ căn cứ để bản án sơ thẩm thì sửa bản án sơ thẩm buộc ông Lê Ngọc T tháo dỡ công trình vi phạm để trả lại hiện trạng hẻm và lối thoát hiểm cho gia đình ông Ngô Đình V.

Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 17 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh tuyên án, nguyên đơn có mặt khi tuyên án.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho Nhà nước phần đất có diện tích 3,85m x 1,85m là phần đất hẻm chung giữa hai nhà số 120/38/5 và số 120/38/7 Thích Quảng Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét, về nguồn gốc hai căn nhà và phần diện tích xây dựng đang tranh chấp:

- Căn nhà 1 T, Phường E, quận P (nay là phường Đ), Thành phố Hồ Chí Minh trước đây thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Á. Năm 1999, ông Nguyễn Văn Á bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 61/QĐ-UB.XPHC ngày 31/5/1999 của Ủy ban nhân dân quận P về hành vi xây dựng ban công lấn chiếm không gian ranh hẻm. Phần diện tích vi phạm được xây dựng trên phần đất không được công nhận. Quyết định này yêu cầu ông Á cam kết tháo dỡ vô điều kiện phần diện tích vi phạm khi Nhà nước thực hiện giải tỏa mở rộng hẻm, chứ không buộc tháo dỡ ngay. Căn nhà sau đó được chuyển nhượng cho ông Lê Ngọc T (bị đơn) vào ngày 18/7/2018. Ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 789575 ngày 19/12/2016, cập nhật biến động ngày 18/7/2018. Giấy chứng nhận thể hiện phần diện tích không được công nhận là 3,85m x 1,45m.

- Căn nhà 120/38/7 Thích Quảng Đ: Hiện do ông Ngô Đình V (nguyên đơn) quản lý, sử dụng hợp pháp. Nhà này liền kề với nhà 120/38/5 và có lối đi chung ra hẻm. Nhà này nằm giáp hẻm A T, có ranh tiếp giáp trực tiếp phần hẻm chung. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích nhà không bao gồm phần đất hẻm.

Xét, phần diện tích đất 3,85m x 1,85m mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho Nhà nước: Căn cứ theo Quyết định số 61/QĐ-UB.XPHC của Ủy ban nhân dân quận P ngày 31/5/1999 và các Công văn số 393/UBND-QLĐT ngày 05/7/2018, số 791/QLĐT ngày 18/11/2024 của Phòng quản lý đô thị quận P xác định: Phần diện tích đất 3,85m x 1,85m được xác định là hẻm chung (đất công) do Nhà nước quản lý, không thuộc sở hữu của nguyên đơn hoặc bị đơn nên quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn không phát sinh. Theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 thì việc quản lý, sử dụng và xử lý lấn chiếm đất công thuộc thẩm quyền UBND các cấp, không phải tranh chấp giữa các cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp. Ngoài ra, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 789575 ngày 18/10/2016 (cập nhật năm 2018) cấp cho bị đơn đã ghi chú đây là phần đất không được công nhận và có cam kết tuân thủ quy hoạch.

Căn cứ Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Một cá nhân chỉ có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm

phạm trực tiếp. Trường hợp khởi kiện vụ án dân sự để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích Nhà nước chỉ khi: “lĩnh vực mình phụ trách hoặc theo quy định của pháp luật” (khoản 4 Điều 187 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015).

Phía nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận các bên chưa được tiến hành hòa giải tranh chấp đất tại Ủy ban nhân dân phường.

Trong vụ án này, nguyên đơn chỉ cho rằng hành vi của bị đơn ảnh hưởng gián tiếp đến việc đi lại, sinh hoạt, nhưng không chứng minh được quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất tranh chấp. Do đó, nguyên đơn không có quyền khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn trả lại phần đất này cho Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng.

[2. 2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn tháo dỡ phần xây dựng trái phép trên phần đất tranh chấp theo Quyết định số 61/QĐ-UB.XPHC ngày 31/5/1999 của UBND quận P:

Xét, Quyết định số 61/QĐ-UB.XPHC ngày 31/5/1999 ban hành đối với chủ sở hữu trước đây là ông Nguyễn Văn Á do đã có hành vi – vi phạm: *“Xây dựng nhà ở cấp 2 sai giấy phép, tăng diện tích xây dựng, vi phạm ranh hẻm, sai về hình thức kiến trúc mặt bằng nhà đường phố theo quy hoạch được duyệt. Phạt chính: 1.547.125 đồng; biện pháp hành chính đi kèm: Ông Á phải làm cam kết chấp hành tháo dỡ vô điều kiện đối với phần diện tích ban – con vi phạm khoảng không gian ranh hẻm khi các cơ quan chức năng tiến hành giải tỏa”*. Như vậy, quyết định chỉ yêu cầu ông Á cam kết tháo dỡ “vô điều kiện” khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành giải tỏa, chứ không buộc tháo dỡ ngay lập tức. Đây là một quyết định hành chính, chỉ ràng buộc trách nhiệm đối với cá nhân bị xử phạt.

Sau khi căn nhà 120/38/5 Thích Quảng Đ được chuyển nhượng cho bị đơn là ông Lê Ngọc T, ông T không xây dựng mới hay thay đổi kết cấu công trình, chỉ tiếp tục sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Theo Công văn số 791/QLĐT ngày 18/11/2024 của Phòng Quản lý đô thị quận P trả lời: “Đến nay, UBND quận P vẫn chưa có kế hoạch mở rộng hẻm hoặc giải tỏa đoạn hẻm trước nhà số A T, Phường E, quận P”. Như vậy, đến thời điểm này chưa phát sinh điều kiện để thực hiện việc tháo dỡ theo cam kết và theo biện pháp hành chính đã được áp dụng trước đây.

Phía nguyên đơn và bị đơn cùng khẳng định không khởi kiện khiếu kiện quyết định hành chính đối với Quyết định số 61/QĐ-UB.XPHC ngày 31/5/1999 của Ủy ban nhân dân quận P.

Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, việc thi hành quyết định xử phạt hành chính thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, không thuộc thẩm quyền xét xử dân sự của Tòa án theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ

[2.3.] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn tại phiên tòa buộc bị đơn phải thanh toán cho ông số tiền 8.000.000 đồng, bao gồm: 6.000.000 đồng tiền thuê chi phí luật sư, phí đi lại và tổn thất tinh thần khi tham gia vụ kiện; 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ trong vụ án đã được Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đình chỉ giải quyết vụ án dân sự năm 2020.

Xét, đối với việc bồi thường thiệt hại do thuê chi phí luật sư, đi lại, tổn thất tinh thần số tiền 6.000.000 đồng: Yêu cầu này của nguyên đơn là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán chi phí thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng trong vụ án mà phía nguyên đơn đã rút đơn yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Á và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Căn cứ vào Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 102/2020/QĐST-DS ngày 28/2/2020 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh giữa nguyên đơn và bị đơn với ông Nguyễn Văn Á cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc T đã có hiệu lực pháp luật nên không có căn cứ để giải quyết.

Ông Ngô Đình V kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Xét nhận định của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Đình V.

[1] Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 822/2025/QĐST-DS ngày 17/9/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 915/2020/TLST – DS ngày 20/11/2020 về việc: “Tranh chấp ranh”, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Ngô Đình V**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 1 (Số cũ A) T, Phường Đ, Tp ..

Bị đơn: Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 1 (Số C) T, Phường Đ, Tp ..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức L1, sinh năm 1986.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 7238/2025/CCGD ngày 08/8/2025).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn có: Luật sư Nguyễn Hữu L, sinh năm 1973, CCHNLS số 14366/TP.HCM/LS-CCHN ngày 04/7/2017 và Luật sư Cao Lương T1, thẻ luật sư số 12474 thuộc Đoàn luật sư T3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị Thùy T2**.

Địa chỉ: 1 (Số C) T, Phường Đ, Tp ..

2. Hậu quả của việc đình chỉ vụ án:

- Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Ông Ngô Đình V là người lớn tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết 326/2016 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và có đơn xin miễn nộp án phí.

- Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng do phía nguyên đơn nộp đã được chi hợp lý cho việc thẩm định tại chỗ ngày 14/5/2025 nên nguyên đơn phải chịu và đã nộp đủ.

[2] Về án phí dân phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.